TRƯỜNG CĐ NGHỀ SÓC TRĂNG
PHÒNG TỔ CHỨC-HÀNH CHÍNH-QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh Phúc

Sóc Trăng, ngày 14 tháng 9 năm 2023

Số CVĐ: 854

PHIẾU GIẢI QUYẾT CÔNG VĂN ĐẾN

Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2023; UBND tỉnh; V/v ban hành Phương án điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023

KÍNH TRÌNH: BAN GIÁM HIỆU

Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	Ý KIẾN CHỈ ĐẠO
- BGH - Lãnh đạo các phòng, khoa, Trung tâm triển khai đến VC, NLĐ và HSSV. - Phòng TC-HC-QT theo dõi đôn đốc VC thực hiện khảo sát phiếu số 4 - Đăng mục CCHC trên Website **P. TRƯỞNG PHÒNG** **Nguyễn Thành Quảng**	Đồng ý. **Ngày 14 tháng 9 năm 2023**

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2229/QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 08 tháng 9 năm 2023*

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ SÓC TRĂNG
ĐẾN Số: 854
Ngày: 14/9/2023
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Phương án điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23/11/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12/11/2021;

Căn cứ Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh Sóc Trăng,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Phương án điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023.

(Đính kèm Phương án).

Điều 2. Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai Phương án trên và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Tổng Cục Thống kê;
- Trung tâm PVHCC;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: TH, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Lâu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
Điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, năm 2023
(Kèm theo Quyết định số 2229 /QĐ-UBND ngày 08 / 9 / 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích điều tra

Nguồn thông tin thu thập được là cơ sở để phân tích, tổng hợp, đánh giá một cách khách quan tình hình triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính và xác định Chỉ số cải cách hành hình năm 2023 theo Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh Sóc Trăng,

2. Yêu cầu của cuộc điều tra

- Điều tra xã hội học phải đảm bảo đúng đối tượng, khách quan và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Việc thu thập thông tin đảm bảo kịp thời, đầy đủ nội dung theo quy định trong Phương án điều tra.

- Việc quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra phải đảm bảo đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Đây là cuộc điều tra chọn mẫu tiến hành tại 40 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, bao gồm:

1.1. Sở ngành tỉnh

- Ban Dân tộc
- Ban Quản lý các khu công nghiệp
- Sở Công Thương
- Sở Giáo dục và Đào tạo
- Sở Giao thông vận tải
- Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Sở Khoa học và Công nghệ
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
- Sở Nội vụ
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Sở Tài chính
- Sở Tài nguyên và Môi trường
- Sở Thông tin và Truyền thông
- Sở Tư pháp
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- Sở Xây dựng
- Sở Y tế
- Thanh tra tỉnh
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1.2. Đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh

- Ban Quản lý dự án 1
- Ban Quản lý dự án 2
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng
- Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng

1.3. Cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh

- Bảo hiểm xã hội tỉnh
- Công an tỉnh
- Cục Thuế
- Chi cục Hải quan tỉnh
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sóc Trăng
- Kho bạc nhà nước

1.4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành
- Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung
- Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách
- Ủy ban nhân dân huyện Long Phú
- Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú
- Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên
- Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị

- Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề

- Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng

- Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm

- Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu

2. Đối tượng, đơn vị được điều tra

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

b) Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại 40 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng được nêu trên.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

1. Loại điều tra

Điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2023 là cuộc điều tra xã hội học chọn 2.085 mẫu với 06 loại phiếu điều tra.

2. Chọn và phân bổ mẫu điều tra

Trên cơ sở phân nhóm các đối tượng, tiến hành phân bổ mẫu theo các nhóm đối tượng một cách có chủ định. Tổng số mẫu của cuộc điều tra 2.085 mẫu; phân phối cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo phạm vi điều tra *(chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)*.

IV. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời gian điều tra

Cuộc điều tra được tiến hành trong 16 ngày bắt đầu từ ngày 21/9/2023 đến ngày 06/10/2023.

Thời kỳ điều tra: Thông tin của các đối tượng được điều tra tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/8/2023.

2. Phương pháp thu thập thông tin

Điều tra trực tuyến: Các đối tượng được chọn khảo sát bao gồm: Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Công chức, viên chức đang thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính sẽ trả lời các câu hỏi trên phiếu điều tra điện tử được thiết kế trên phần mềm điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính https://sipas.soctrang.gov.vn/.

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

1.1. Phần thông tin chung về đối tượng, đơn vị được điều tra

Bao gồm: Giới tính, tuổi, trình độ học vấn, đơn vị công tác, chức vụ.

1.2. Phần nội dung điều tra

Điều tra xã hội học các nội dung quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng, bao gồm: đánh giá tác động của công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính;

đánh giá tác động của cải cách hành chính đến chất lượng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị; tác động của cải cách hành chính đến tổ chức bộ máy; tác động của cải cách hành chính đến công chức, viên chức; tác động của cải cách tài chính công; tác động của cải cách hành chính đến xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Phiếu điều tra

Phiếu điều tra, gồm 06 loại phiếu thu thập thông tin, khảo sát 06 nhóm đối tượng, cụ thể như sau:

- Phiếu số 01/CCHC23-ĐBHĐND(CT): Phiếu khảo sát ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023.

- Phiếu số 02/CCHC23-ĐBHĐND(CH): Phiếu khảo sát ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện về cải cách hành chính tại UBND cấp huyện năm 2023.

- Phiếu số 03/CCHC23-CCVC(SN): Phiếu khảo sát ý kiến công chức, viên chức về cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023 (đối với sở ngành).

- Phiếu số 04/CCHC23-CCVC(ĐVSN): Phiếu khảo sát ý kiến công chức, viên chức về cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023 (đối với đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh).

- Phiếu số 05/CCHC23-CCVC(CQTW): Phiếu khảo sát ý kiến công chức, viên chức về cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023 (đối với cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh).

- Phiếu số 06/CCHC23-CBCC(H-X): Phiếu khảo sát ý kiến lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn cấp huyện, lãnh đạo UBND cấp xã thuộc UBND cấp huyện về cải cách hành chính tại UBND cấp huyện năm 2023.

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

- Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra.

- Danh mục giáo dục, đào tạo theo Hệ thống giáo dục quốc dân được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐẦU RA CỦA ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

Thông tin điều tra xã hội học trên phiếu trực tuyến được lưu giữ trên phần mềm điều tra xã hội học tại địa chỉ https://sipas.soctrang.gov.vn. Dữ liệu điều tra sẽ được kiểm tra, làm sạch, xử lý và tổng hợp các kết quả điều tra bằng phần mềm tại địa chỉ https://sipas.soctrang.gov.vn. Kết quả điều tra và cơ sở dữ liệu được tích hợp vào phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính https://parindex.soctrang.gov.vn.

2. Hệ thống biểu tổng hợp kết quả đầu ra

Hệ thống biểu tổng hợp đầu ra gồm các biểu được chia ra theo nội dung trả lời của từng nhóm đối tượng khảo sát theo từng cơ quan, bao gồm: đánh giá tác động của công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; đánh giá tác động của cải cách hành chính đến chất lượng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị; tác động của cải cách hành chính đến tổ chức bộ máy; tác động của cải cách hành chính đến công chức, viên chức; tác động của cải cách tài chính công; tác động của cải cách hành chính đến xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Danh mục biểu đầu ra chi tiết theo các Phụ lục 2, 3, 4, 5 kèm theo Phương án này.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

1. Công tác chuẩn bị

Từ ngày 11/7/2023 đến ngày 20/9/2023, gồm các công việc sau:

- Xây dựng phương án điều tra.

- Xây dựng phần mềm điều tra.

- Lập danh sách đối tượng, đơn vị điều tra.

Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Triển khai thu thập thông tin điều tra

Từ ngày 21/9/2023 đến ngày 06/10/2023: Tiến hành thu thập thông tin phiếu điều tra.

Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

3. Xử lý phiếu điều tra, xử lý kết quả điều tra

Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 20/10/2023.

Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

4. Phân tích và báo cáo kết quả điều tra

Từ ngày 21/10/2023 đến ngày 31/10/2023.

Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Xây dựng kế hoạch triển khai phương án điều tra xã hội học đúng đối tượng, phạm vi và số lượng điều tra.

- Thông tin, tuyên truyền về việc tổ chức triển khai điều tra xã hội học trên Trang thông tin điện tử Sở Nội vụ, Trang thông tin điện tử Cải cách hành chính và các phương tiện khác.

- Giám sát quá trình thực hiện điều tra xã hội học.

- Phân tích, tổng hợp kết quả điều tra.

- Báo cáo kết quả xác định chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị năm 2023, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

2. Các sở ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Trên cơ sở số lượng mẫu điều tra do Sở Nội vụ xác định; các cơ quan, đơn vị tổng hợp, nhập danh sách đối tượng điều tra của đơn vị mình vào phần mềm khảo sát tại địa chỉ: https://sipas.soctrang.gov.vn/.

- Thông tin về việc điều tra xã hội học trực tuyến đến các đối tượng được chọn điều tra xã hội học. Đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện trả lời phiếu điều tra đầy đủ, đúng tiến độ.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu đề ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để được xem xét, giải quyết.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng phần mềm điều tra, khảo sát.

- Thực hiện điều tra, xử lý (kiểm tra, làm sạch, mã hóa,..) phiếu điều tra và xử lý kết quả điều tra (qua phần mềm điều tra, khảo sát).

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA

Kinh phí điều tra được lấy từ nguồn kinh phí cải cách hành chính được phân bổ về Sở Nội vụ.

Giám đốc Sở Nội vụ quản lý, sử dụng hiệu quả kinh phí, bảo đảm điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra.

Trên đây là nội dung Phương án điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023./.

Phụ lục 1

BẢNG PHÂN BỔ MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2229 /QĐ-UBND ngày 08 /9 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Mẫu phiếu	Đối tượng khảo sát	Số lượng đơn vị	Tổng số mẫu	Ghi chú
1	Phiếu số 01/CCHC23-ĐBHĐND(CT)	Đại biểu HĐND tỉnh		51	Tất cả Đại biểu HĐND tỉnh
2	Phiếu số 02/CCHC23-ĐBHĐND(CH)	Đại biểu HĐND cấp huyện	11	307	Tất cả Đại biểu HĐND cấp huyện
3	Phiếu số 03/CCHC23-CCVC(SN)	Lãnh đạo cấp phòng và công chức, viên chức tại sở, ngành	19	563	- Tất cả lãnh đạo cấp phòng và tương đương - Công chức, viên chức (02 người/phòng) *Riêng đối với Chi cục Hải quan tỉnh thì khảo sát toàn bộ công chức, viên chức của Chi cục.*
4	Phiếu số 04/CCHC23-CCVC(ĐVSN)	Lãnh đạo cấp phòng và công chức, viên chức tại Đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh	04	149	
5	Phiếu số 05/CCHC23-CCVC(CQTW)	Lãnh đạo cấp phòng và công chức, viên chức tại cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh	06	225	
6	Phiếu số 06/CCHC23-CBCC(H-X)	Lãnh đạo và công chức phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	130	511	- Tất cả lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện - Công chức phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (02 người/phòng)
		Lãnh đạo UBND cấp xã	109	279	Tất cả lãnh đạo UBND cấp xã
	TỔNG CỘNG			**2.085**	

Phụ lục 2

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023 ĐỐI VỚI SỞ NGÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 08 / 9 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	KẾT QUẢ
1	**Tác động của công tác chỉ đạo, điều hành CCHC**	**2,00**	
1.1	Sự quan tâm của lãnh đạo đơn vị đối với công tác CCHC tại đơn vị	1,00	
1.2	Nâng cao mức độ am hiểu, nhận thức của công chức, viên chức về CCHC	1,00	
2	**Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước do Sở, ngành tham mưu**	**2,00**	
2.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc Sở, ngành tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành	0,50	
2.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành	0,50	
2.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành	0,50	
2.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành	0,50	
3	**Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy**	**4,50**	
3.1	Tính phù hợp trong sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy	0,50	
3.2	Tình hình thực hiện quy chế làm việc	0,50	
3.3	Tính hợp lý trong phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý	0,50	
3.4	Chất lượng tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực	0,50	
3.5	Tính hợp lý trong tham mưu UBND thực hiện phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giữa tỉnh, cấp huyện và cấp xã	0,50	
3.6	Mối quan hệ, phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị trực thuộc	0,50	
3.7	Mức độ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ với các đơn vị khác	0,50	
3.8	Chất lượng chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền	0,50	
3.9	Sự tiến bộ trong thực hiện quản lý, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ so với năm trước liền kề	0,50	
4	**Tác động của cải cách đến công chức, viên chức**	**6,50**	
4.1	Thực hiện phân công, bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,50	
4.2	Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách (khen thưởng, nâng lương,...) đối với công chức, viên chức	1,00	

4.3	Mức độ hoàn thiện và khoa học trong thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức (khách quan; công khai, minh bạch; công bằng; khoa học dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, mức độ hoàn thành nhiệm vụ; năng lực của công chức, viên chức)	1,00	
4.4	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong phối hợp, xử lý công việc	0,50	
4.5	Tinh thần trách nhiệm trong phối hợp, xử lý công việc	0,50	
4.6	Tình trạng công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	0,50	
4.7	Tính chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức (Tuân thủ thời gian làm việc, tình hình sử dụng rượu bia, thuốc lá trong giờ làm việc, tuân thủ nội dung đạo đức văn hóa công vụ)	0,50	
4.8	Mức độ hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết đối với công chức, viên chức	1,00	
4.9	Tình trạng tiêu cực trong bổ nhiệm công chức, viên chức tại đơn vị	1,00	
5	**Tác động của cải cách tài chính công**	**2,50**	
5.1	Đánh giá về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí	1,00	
5.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí	0,50	
5.3	Đánh giá về tình hình tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và đảm bảo quy định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công	1,00	
6	**Tác động của cải cách đến xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**	**3,50**	
6.1	**Tác động của cải cách đến việc ứng dụng CNTT trong hoạt động**	**2,50**	
6.1.1	Hiệu quả sử dụng các phần mềm dùng chung	0,50	
6.1.2	Mức độ đáp ứng và giá trị của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị	0,50	
6.1.3	Chất lượng, hiệu quả xử lý công việc trên môi trường mạng	0,50	
6.1.4	Nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị về Chuyển đổi số	1,00	
6.2	**Hiệu quả áp dụng ISO trong hoạt động**	**1,00**	

* ***Ghi chú***: *Tiêu chí khảo sát theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.*

Phụ lục 3

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023 ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2229 /QĐ-UBND ngày 08 /9 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	KẾT QUẢ
1	**Tác động của công tác chỉ đạo, điều hành CCHC**	**1,00**	
1.1	Sự quan tâm của lãnh đạo đơn vị đối với công tác CCHC tại đơn vị	0,50	
1.2	Nâng cao mức độ am hiểu, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về CCHC	0,50	
2	**Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước do địa phương ban hành**	**2,00**	
2.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện, thị xã, thành phố	0,50	
2.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện, thị xã, thành phố	0,50	
2.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện, thị xã, thành phố	0,50	
2.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện, thị xã, thành phố	0,50	
3	**Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy**	**3,00**	
3.1	Tính phù hợp trong sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý	0,50	
3.2	Tình hình thực hiện quy chế làm việc	0,50	
3.3	Tính hợp lý trong phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý	0,50	
3.4	Mối quan hệ, phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện với nhau và với UBND cấp xã	0,50	
3.5	Chất lượng chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền	0,50	
3.6	Mức độ tiến bộ trong thực hiện quản lý, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ so với năm trước liền kề	0,50	
4	**Tác động của cải cách đến cán bộ, công chức, viên chức**	**4,50**	
4.1	Thực hiện phân công, bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,50	
4.2	Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách (khen thưởng, nâng lương,...) đối với cán bộ, công chức, viên chức	0,50	

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	KẾT QUẢ
4.3	Mức độ hoàn thiện và khoa học trong thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức (khách quan; công khai, minh bạch; công bằng; khoa học dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức)	0,50	
4.4	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong phối hợp, xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức	0,50	
4.5	Tinh thần trách nhiệm trong phối hợp, xử lý công việc	0,50	
4.6	Tình trạng cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	0,50	
4.7	Tính chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức (Tuân thủ thời gian làm việc, tình hình sử dụng rượu bia, thuốc lá trong giờ làm việc, tuân thủ nội dung đạo đức văn hóa công vụ)	0,50	
4.8	Mức độ hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết đối với cán bộ, công chức, viên chức	0,50	
4.9	Tình trạng tiêu cực trong bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương	0,50	
5	**Tác động của cải cách tài chính công**	**2,00**	
5.1	Đánh giá về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí	0,50	
5.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí	0,50	
5.3	Đánh giá về tình hình tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và đảm bảo quy định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công	1,00	
6	**Tác động của cải cách đến xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**	**2,50**	
6.1	**Tác động của cải cách đến việc ứng dụng CNTT trong hoạt động**	**2,00**	
6.1.1	Hiệu quả sử dụng các phần mềm dùng chung	0,50	
6.1.2	Mức độ đáp ứng và giá trị của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị	0,50	
6.1.3	Chất lượng, hiệu quả xử lý công việc trên môi trường mạng	0,50	
6.1.4	Nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị về Chuyển đổi số	0,50	
6.2	**Tác động của cải cách đến việc áp dụng ISO trong hoạt động**	**0,50**	

** **Ghi chú**: Tiêu chí khảo sát theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.*

Phụ lục 4

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023 ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2229 /QĐ-UBND ngày 08 /9 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	KẾT QUẢ
1	**Tác động của công tác chỉ đạo, điều hành CCHC**	**4,00**	
1.1	Sự quan tâm của lãnh đạo đơn vị đối với công tác CCHC tại đơn vị	2,00	
1.2	Nâng cao mức độ am hiểu, nhận thức của viên chức về CCHC	2,00	
2	**Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy**	**6,00**	
2.1	Tính phù hợp trong sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy	1,00	
2.2	Tình hình thực hiện quy chế làm việc	1,00	
2.3	Tính hợp lý trong phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý	1,00	
2.4	Mối quan hệ, phối hợp giữa các phòng ban và đơn vị trực thuộc	1,00	
2.5	Chất lượng chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền	1,00	
2.6	Sự tiến bộ trong thực hiện quản lý, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ so với năm trước liền kề	1,00	
3	**Tác động của cải cách đến viên chức**	**8,50**	
3.1	Thực hiện phân công, bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1,00	
3.2	Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách (khen thưởng, nâng lương,...) đối với viên chức	1,00	
3.3	Thực hiện đánh giá, phân loại viên chức dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực của viên chức	1,00	
3.4	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong phối hợp, xử lý công việc	1,00	
3.5	Tinh thần trách nhiệm trong phối hợp, xử lý công việc	1,00	
3.6	Tính chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của viên chức	1,00	
3.7	Mức độ hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết đối với viên chức	1,50	
3.8	Tình trạng tiêu cực trong bổ nhiệm viên chức tại đơn vị	1,00	
4	**Tác động của cải cách tài chính công**	**3,00**	

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	KẾT QUẢ
4.1	Đánh giá về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí	1,00	
4.2	Chấp hành quy định về quản lý, sử dụng ngân sách và công khai tài chính	1,00	
4.3	Đánh giá về tình hình tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và đảm bảo quy định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công	1,00	
5	**Tác động của cải cách đến xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**	**2,00**	
5.1	Mức độ thành thạo của viên chức trong sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị trong quá trình thực thi nhiệm vụ	1,00	
5.2	Nhận thức của viên chức tại đơn vị về Chuyển đổi số	1,00	

* ***Ghi chú***: *Tiêu chí khảo sát theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.*

Phụ lục 5

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023 ĐỐI VỚI CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐẶT TẠI TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2229 /QĐ-UBND ngày 08 /9 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	KẾT QUẢ
1	**Tác động của công tác chỉ đạo, điều hành CCHC**	**5,00**	
1.1	Sự quan tâm của lãnh đạo đơn vị đối với công tác CCHC tại đơn vị	2,00	
1.2	Nâng cao mức độ am hiểu, nhận thức của công chức về CCHC	3,00	
2	**Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy**	**5,00**	
2.1	Tình hình thực hiện quy chế làm việc	1,00	
2.2	Tính hợp lý trong phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý	1,00	
2.3	Mối quan hệ, phối hợp giữa các phòng ban và đơn vị trực thuộc	1,00	
2.4	Chất lượng chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền	1,00	
2.5	Mức độ tiến bộ trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ so với năm trước liền kề	1,00	
3	**Tác động của cải cách đến công chức, viên chức**	**17,00**	
3.1	Tính phù hợp trong phân công, bố trí nhiệm vụ công tác đối với công chức, viên chức	2,00	
3.2	Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách (khen thưởng, nâng lương,...) đối với công chức, viên chức, người lao động	2,00	
3.3	Mức độ hoàn thiện và khoa học trong thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức (khách quan; công khai, minh bạch; công bằng; khoa học dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực của công chức, viên chức)	2,00	
3.4	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong phối hợp, xử lý công việc	2,00	
3.5	Tinh thần trách nhiệm trong phối hợp, xử lý công việc	2,00	
3.6	Tình trạng công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	2,00	
3.7	Tính chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức	2,00	
3.8	Mức độ hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết đối với công chức, viên chức	1,00	
3.9	Tình trạng tiêu cực trong bổ nhiệm công chức, viên chức tại đơn vị	2,00	

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	KẾT QUẢ
4	**Tác động của cải cách tài chính công**	**8,00**	
4.1	Đánh giá về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí	2,00	
4.2	Chấp hành quy định về quản lý, sử dụng ngân sách và công khai tài chính	2,00	
4.3	Mức độ tuân thủ quy định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công	2,00	
4.4	Đánh giá về tình hình tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và đảm bảo quy định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công	2,00	
5	**Tác động của cải cách đến xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**	**4,00**	
5.1	Mức độ thành thạo của công chức, viên chức trong sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị khi thực thi nhiệm vụ	2,00	
5.2	Nhận thức của công chức, viên chức tại đơn vị về Chuyển đổi số	2,00	

* ***Ghi chú***: *Tiêu chí khảo sát theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.*